

Bài báo nghiên cứu

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC TRẺ MÀM NON Ở GIA ĐÌNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Kim Anh^{1*}, Nguyễn Thị Thanh Bình², Hoàng Thị Hồng Thương³

¹Viện Khoa học Giáo dục và Đào tạo giáo viên, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, Việt Nam

²Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục và Kinh tế EXIM, Việt Nam

³Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Kim Anh – Email: anhnguyenire.edu@gmail.com

Ngày nhận bài: 01-6-2021; ngày nhận bài sửa: 27-8-2021; ngày duyệt đăng: 28-8-2021

TÓM TẮT

Bài viết này trình bày kết quả khảo sát 394 giáo viên mầm non (GVMN), 179 cán bộ quản lý (CBQL), 187 phụ huynh (PH), 100 cán bộ thuộc tổ chức chính trị xã hội (TCCTXH) về các giải pháp phòng chống bạo lực trẻ mầm non (MN) tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM). Những giải pháp như: “Tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng, gia đình, trẻ em về mối nguy hiểm và hậu quả của các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em; về trách nhiệm phát hiện, thông báo trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi”; “Nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về BVTE”; “Giáo dục, tư vấn kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em, trẻ tuổi MN”; “Cảnh báo về nguy cơ trẻ em bị xâm hại; tư vấn kiến thức, kỹ năng, biện pháp can thiệp nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ xâm hại trẻ em cho cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE và trẻ em nhằm tạo lập lại môi trường sống an toàn cho trẻ em có nguy cơ” được CBQL, GVMN, PH, TCCTXH đánh giá là những giải pháp hiệu quả để phòng, chống bạo lực trẻ MN ở gia đình.

Từ khóa: Thành phố Hồ Chí Minh; phòng chống bạo lực trẻ mầm non; giải pháp phòng chống bạo lực trẻ mầm non ở gia đình

1. Đặt vấn đề

Bảo vệ trẻ em là trách nhiệm của gia đình, cộng đồng, xã hội và nhà nước trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, hỗ trợ và phục hồi cho trẻ em để bảo đảm mọi trẻ em được sống trong môi trường an toàn, không có các hành vi xâm hại. Trong những năm gần đây, thực hiện pháp luật về BVTE ở nước ta đã có sự chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống pháp luật về BVTE từng bước được hoàn thiện; Luật Trẻ em năm 2016 có một chương riêng quy định về BVTE; công tác quản lý nhà nước được tăng cường;

Cite this article as: Nguyen Thi Kim Anh, Nguyen Thi Thanh Binh, & Hoang Thi Hong Thuong (2021). The reality of developing and conducting implementing solutions to prevent family violence against children in Ho Chi Minh City. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(8), 1402-1414.

công tác bảo vệ, xây dựng môi trường sống an toàn và lành mạnh cho trẻ em được chú trọng; đời sống văn hóa, tinh thần, vui chơi, giải trí, phúc lợi xã hội và các quyền dành cho trẻ em ngày càng được bảo đảm; nhận thức của xã hội về BVTE ngày càng được nâng cao; hệ thống BVTE đã được hình thành và đi vào hoạt động.

Tuy nhiên, vẫn nạn bạo lực trẻ em nói chung, trẻ MN nói riêng, đặc biệt là hành vi bạo lực trẻ MN trong giai đoạn hiện nay vẫn đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Tại Việt Nam, theo báo cáo năm 2019 của Ủy ban nhân dân TPHCM, tình trạng trẻ em bị bạo lực, xâm hại vẫn xảy ra và diễn biến theo chiều hướng phức tạp. Số trẻ bị bạo lực và xâm hại tính từ năm 2011 đến năm 2014 là 691, và từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019 là 782 (Ho Chi Minh City People's Committee, 2019).

Bạo lực trước hết ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe thể chất của trẻ hoặc nguy hại hơn, khiến trẻ có thể bị nguy hiểm đến tính mạng. Bạo lực tâm lý có thể khiến trẻ trở nên mất lòng tự trọng, trở nên vô cảm, không biết lên án những hành vi phi đạo đức của người khác. Do đó, việc nghiên cứu lý luận và thực trạng triển khai các giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN là vô cùng cấp thiết và có ý nghĩa nhân văn to lớn. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày một số kết quả nghiên cứu thực trạng triển khai các giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN; trên cơ sở đó, đề xuất và tiến hành thực nghiệm một số giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN nhằm bước đầu khẳng định kết quả nghiên cứu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN tại TPHCM

Mục đích khảo sát: Tổ chức khảo sát nhằm đánh giá thực trạng triển khai các giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN ở TPHCM.

Nội dung khảo sát: (1) Thực trạng về tính hiệu quả, tính cần thiết và tần suất sử dụng các giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN ở gia đình tại TPHCM; (2) Thực trạng về tính hiệu quả, mức độ đạt được trên thực tiễn, và tần suất sử dụng các giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN ở trường MN tại TPHCM; (3) Cơ sở khoa học, nguyên tắc, các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng hệ thống giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN tại TPHCM; (4) Khảo nghiệm tính cần thiết, tính khả thi của một số giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN ở trường MN, ở gia đình tại TPHCM được đề xuất.

Địa bàn khảo sát thực trạng: Quận 3, Quận 4, quận Phú Nhuận, huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh, TPHCM.

Khách thể khảo sát: 394 GVMN, 179 CBQL, 187 cha mẹ của trẻ (CMT), 100 cán bộ thuộc tổ chức chính trị xã hội.

Thời gian khảo sát thực trạng: từ tháng 1/2021 đến tháng 3/2021

Phương pháp khảo sát thực trạng: Để đánh giá được thực trạng triển khai các giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN ở TPHCM, trong bài viết này chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu điều tra bằng bảng hỏi với 46 câu hỏi. Ngoài ra chúng tôi còn sử

dụng phương pháp phỏng vấn sâu CBQL, GVMN, PH và TCCTXH nhằm mô tả và phân tích sâu hơn thực trạng triển khai triển khai các giải pháp phòng, chống bạo lực trẻ MN ở TPHCM

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

2.2.1. Trình độ đào tạo và thâm niên công tác của CBQL, GVMN, PH, TCCTXH (xem Bảng 1)

Bảng 1. Tổng hợp thâm niên công tác, trình độ đào tạo của GVMN, CBQL, PH, TCCTXH

Tiêu chí	Khách thể nghiên cứu	CBQL		GVMN		PH		TCCTXH	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	25	13,9	50	12,7			9	9,0
	5-10 năm	29	16,2	93	23,6			16	16,0
	11-15 năm	38	21,2	238	60,4			69	69,0
	Trên 15 năm	87	48,7	13	3,3			6	6,0
	Tổng số	179	100	394	100			100	100
Trình độ đào tạo	Không					21	11,2		
	Trung cấp	2	4,0	50	12,7	26	13,9	9	9,0
	Cao đẳng	5	2,8	93	23,6	38	20,3	16	16,0
	Đại học	149	83,2	238	60,4	96	51,3	69	69,0
	Sau đại học	18	10,0	13	3,3	6	3,3	6	6,0
	Tổng số	179	100	394	100	187	100	100	100

Bảng 1 cho thấy 48,7% CBQL có thâm niên công tác trên 15 năm; 60,4% GVMN có thâm niên công tác từ 11 đến dưới 15 năm; 69% cán bộ thuộc TCCTXH có thâm niên công tác từ 11 đến dưới 15 năm. Số ít còn lại có thâm niên công tác dưới 11 năm và trên 15 năm. Đây là nền tảng cơ bản để quản lý tốt chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường MN, để bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của GVMN.

Bên cạnh đó, có 83,2% CBQL, 60,4% GVMN, 51,3% PH, 69% cán bộ thuộc TCCTXH có trình độ đại học; số ít còn lại có trình độ trung cấp, cao đẳng và sau đại học. Việc CBQL, GVMN, PH, cán bộ thuộc TCCTXH được đào tạo trình độ chuẩn từ cao đẳng trở lên đã đáp ứng chuẩn đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, là nền tảng tốt sẽ giúp nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.2.2. Nhận thức của CBQL, GVMN, PH, TCCTXH về các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em (xem Bảng 2)

Bảng 2. Nhận thức về luật BVTE

STT	Văn bản quy phạm pháp luật	Giáo viên MN			Cán bộ quản lí			Phụ huynh			Tổ chức chính trị xã hội		
		Trên người trả lời		% trên số trường hợp	Trên người trả lời		% trên số trường hợp	Trên người trả lời		% trên số trường hợp	Trên người trả lời		% trên số trường hợp
		SL	%		SL	%		SL	%		SL	%	
1	Công ước quốc tế về quyền Trẻ em	295	10,9	76,2	162	11,6	91,5	164	12,9	85,9	75	11,5	76,5
2	Hiệp ước Liên Hiệp Quốc về quyền trẻ em	297	11,0	76,7	152	10,8	85,9	154	12,1	80,6	59	9,1	60,2
3	Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam	177	6,5	45,7	99	7,1	55,9	82	6,5	42,9	59	9,1	60,2
4	Bộ luật hình sự	185	6,8	47,8	98	7,0	55,4	76	6,0	39,8	60	9,2	61,2
5	Luật giáo dục	293	10,8	75,7	154	11,0	87,0	121	9,5	63,4	64	9,8	65,3
6	Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004	346	12,8	89,4	167	11,9	94,4	167	13,2	87,4	71	10,9	72,4
7	Luật Phòng chống bạo lực gia đình	249	9,2	64,3	140	10,0	79,1	127	10,0	66,5	62	9,5	63,3
8	Luật Trẻ em	343	12,6	88,6	170	12,1	96,0	164	12,9	85,9	85	13,1	86,7
9	Luật Hôn nhân và gia đình	218	8,0	56,3	106	7,6	59,9	87	6,9	45,5	63	9,7	64,3
10	Điều lệ trường MN	309	11,4	79,8	154	11,0	87,0	127	10,0	66,5	53	8,1	54,1
Tổng số		2712	100	700,8	1402	100	792,1	1269	100	664,4	651	100	664,3

Bảng 2 cho thấy nhiều văn bản quy phạm pháp luật về BVTE đã được ban hành trên thực tiễn. BVTE là chủ trương nhất quán của Đảng về bảo vệ quyền con người, quyền công dân nói chung, BVTE nói riêng; đã được Chính phủ, các cơ quan có thẩm quyền, cá nhân, tổ chức nhận thức đúng, triển khai thực hiện khá đồng bộ trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam hiện nay. BVTE phải có sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. BVTE ngày càng được người dân, cộng đồng, xã hội quan tâm thực hiện tốt hơn; nhận thức của người dân đang dần được nâng cao. Công tác theo dõi, hỗ trợ trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đang được tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Ngân sách đầu tư cho

công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em nói chung và công tác BVTE nói riêng ngày càng tăng.

Trong đó, có 4 văn bản quy phạm pháp luật được đa số CBQL, GVMN, PH và TCCTXH hiểu biết và nắm vững nội dung, là: Công ước quốc tế về quyền trẻ em; Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004; Luật Trẻ em và Điều lệ trường MN. Điểm khác biệt về nhận thức giữa nhóm khách thể GV và CBQL với nhóm PH và TCCTXH là có đến 79,8% GVMN, 87% CBQL hiểu biết về Điều lệ trường MN, còn lại tỉ lệ thấp hơn thuộc về nhóm PH và TCCTXH. Điều này chứng minh rằng Điều lệ trường MN được tuyên truyền, phổ biến thường xuyên cho CBQL, GVMN, mà chưa được phổ biến cho PH và TCCTXH. Ngược lại, Công ước quốc tế về quyền trẻ em lại được PH và cán bộ thuộc TCCTXH nhận thức cao hơn GVMN và CBQL.

Điểm chung trên bình diện nhận thức của 4 khách thể GVMN, CBQL, PH và TCCTXH là có đến 85,9% PH, 86,7% TCCTXH, 88,6% GVMN, 96% CBQL hiểu biết về Luật Trẻ em. Các văn bản quy phạm pháp luật khác như: Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, Bộ Luật hình sự, Luật Giáo dục, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Hôn nhân và gia đình chiếm tỉ lệ không cao.

2.2.3. Nhận định về thực trạng tổ chức, triển khai các giải pháp phòng chống bạo lực trẻ MN ở gia đình tại TPHCM

a) Nhận định về các nhóm giải pháp được sử dụng hiệu quả để phòng chống bạo lực trẻ MN ở gia đình (xem Bảng 3)

Bảng 3. Mức độ xếp hạng các nhóm giải pháp được sử dụng hiệu quả để phòng chống bạo lực trẻ MN ở gia đình

STT	Nhóm giải pháp	GVMN		Cán bộ quản lí		Phụ huynh		Tổ chức chính trị xã hội	
		Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng
1	Giải pháp ngăn chặn, phòng ngừa hành vi bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần, bạo lực tình dục trẻ MN	3,86	3	4,09	2	3,79	3	3,84	3
2	Giải pháp bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN là nạn nhân của bạo lực	3,91	2	3,89	3	3,81	2	3,89	2
3	Giải pháp xử lí người có hành vi bạo lực đối với trẻ MN	3,97	1	4,19	1	3,95	1	4,10	1
ĐTB chung		3,91		4,05		3,85		3,94	

Phân tích kết quả thống kê ở Bảng 3, nhóm nghiên cứu nhận thấy có điểm tương đồng nhất định trên bình diện quan niệm về nhóm giải pháp được sử dụng hiệu quả để phòng chống bạo lực trẻ MN ở gia đình tại TPHCM, khi cả 4 khách thể nghiên cứu CBQL, GVMN, PH, TCCTXH đều chọn “Giải pháp xử lí người có hành vi bạo lực đối với trẻ MN”

làm nhóm giải pháp sử dụng hiệu quả nhất trong 3 nhóm giải pháp và xếp ở thứ hạng cao nhất trong bảng thống kê.

ĐTB của GVMN được trải dài từ 3,86 đến 3,97 theo thang đo tương ứng với mức hiệu quả; ĐTB ở CBQL được trải dài từ 3,89 đến 4,19 theo thang đo tương ứng với mức hiệu quả; ĐTB của PH được trải dài từ 3,79 đến 3,95 tương ứng với mức hiệu quả theo thang đo và TCCTXH có ĐTB từ 3,84 đến 4,10 tương ứng với mức hiệu quả. ĐTB chung trải dài từ 3,85 đến 4,05 minh chứng được nhận thức của CBQL, GVMN, PH, TCCTXH về tính hiệu quả của các nhóm giải pháp phòng chống bạo lực trẻ MN ở gia đình tại TPHCM.

b) Nhận định về tần suất sử dụng các giải pháp để ngăn chặn, phòng ngừa, bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN trước bạo lực gia đình tại TPHCM (xem Bảng 4)

Bảng 4. Mức độ xếp hạng các giải pháp thường được sử dụng để ngăn chặn, phòng ngừa, bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN trước bạo lực gia đình

STT	Giải pháp	Giáo viên MN		Cán bộ quản lí		Phụ huynh		Tổ chức chính trị xã hội	
		Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng
1	Thông tin, tuyên truyền về phòng chống bạo lực gia đình nhằm thay đổi nhận thức, hành vi bạo lực gia đình	4,13	1	4,20	1	3,87	1	3,88	1
2	Hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa những thành viên trong gia đình	3,74	5	3,59	9	3,78	2	3,34	7
3	Tư vấn, góp ý trong cộng đồng dân cư về phòng ngừa bạo lực gia đình	3,73	6	3,65	6	3,74	3	3,48	5
4	Thực hiện tốt các chức năng của gia đình như chức năng giáo dục, chức năng văn hóa, chức năng tình cảm	3,89	2	3,95	2	3,67	4	3,74	2
5	Trị liệu đối với mối quan hệ cha mẹ-con cái tập trung vào những cha mẹ có hành vi lạm dụng, ngược đãi con cái hoặc bỏ mặc con cái	3,52	10	3,63	7	3,64	5	3,26	9
6	Trị liệu trẻ em bị bạo lực, ngược đãi	3,55	9	3,61	8	3,63	6	3,31	8
7	Nhóm giải pháp về chính sách, pháp luật	3,66	8	3,84	5	3,60	7	3,52	4
8	Nhóm giải pháp về phòng, ngừa	3,71	7	3,87	4	3,56	8	3,48	5
9	Nhóm giải pháp về can thiệp, hỗ trợ	3,78	4	3,84	5	3,49	9	3,41	6
10	Nhóm giải pháp về xử lí vi phạm	3,81	3	3,90	3	3,49	10	3,56	3
ĐTB chung		3,75		3,80		3,64		3,50	

Kết quả thống kê ở Bảng 4 cho thấy điểm trung bình chung của 4 khách thể nghiên cứu gồm GVMN, CBQL, PH, TCCTXH lần lượt là 3,75; 3,80; 3,64; 3,50 tương ứng với mức thường xuyên.

Giải pháp “Thông tin, tuyên truyền về phòng chống bạo lực gia đình nhằm thay đổi nhận thức, hành vi bạo lực gia đình” với ĐTB được trải dài từ 3,87 đến 4,20 tương ứng với mức khá tốt và rất thường xuyên được cả 4 khách thể nghiên cứu gồm GVMN, CBQL, PH, TCCTXH đều chọn ở thứ hạng 1/10 giải pháp thường được sử dụng để ngăn chặn, phòng ngừa, bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN trước bạo lực gia đình. Giải pháp “Thực hiện tốt các chức năng của gia đình như chức năng giáo dục, chức năng văn hóa, chức năng tình cảm” được xếp ở thứ hạng 2 với ĐTB được trải dài từ 3,74 đến 3,95 của 3 khách thể GVMN, CBQL, TCCTXH. Chỉ có PH chọn giải pháp “Hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa những thành viên trong gia đình” ở thứ hạng 2 với ĐTB = 3,78.

ĐTB của giải pháp “Nhóm giải pháp về xử lý vi phạm” của 3 khách thể nghiên cứu GVMN, CBQL, TCCTXH được trải dài từ 3,56 đến 3,90 tương ứng với mức khá, thường xuyên và xếp ở thứ hạng thứ 3. Riêng PH đã chọn giải pháp “Tư vấn, góp ý trong cộng đồng dân cư về phòng ngừa bạo lực gia đình” ở thứ hạng 3 với ĐTB = 3,74.

Các giải pháp như “Trị liệu đối với mối quan hệ cha mẹ-con cái tập trung vào những cha mẹ có hành vi lạm dụng, ngược đãi con cái hoặc bỏ mặc con cái”; “Trị liệu trẻ em bị bạo lực, ngược đãi”; “Nhóm giải pháp về chính sách, pháp luật”; “Nhóm giải pháp về phòng, ngừa”; “Nhóm giải pháp về can thiệp, hỗ trợ” được các khách thể nghiên cứu xếp từ thứ hạng 4 đến thứ hạng 10. Điều này được thể hiện rõ hơn trong phỏng vấn các khách thể nghiên cứu. Phần lớn PH được phỏng vấn đã nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí phiến diện, thiếu sót về giải pháp thường được sử dụng để ngăn chặn, phòng ngừa, bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN trước bạo lực gia đình. Chị L.A.T đã nói “Trường MN phải có trách nhiệm ngăn chặn, phòng ngừa, bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN trước bạo lực, còn ở gia đình thì không có tình trạng bạo lực nên các giải pháp ngăn ngừa là không cần thiết”. Anh N.S.H đã chia sẻ: “Các giải pháp trị liệu trẻ em bị bạo lực, ngược đãi; Trị liệu cha mẹ có hành vi lạm dụng, ngược đãi con cái” xem chừng rất hay nhưng chưa phải là cần thiết và không thường xuyên sử dụng trong thực tiễn.

Đối với GVMN, CBQL, TCCTXH thì đa số cho rằng những giải pháp trên cần được thường xuyên sử dụng để ngăn chặn, phòng ngừa, bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN trước bạo lực gia đình tại TPHCM. Cô L.B.N đã chia sẻ “Các giải pháp: Trị liệu đối với mối quan hệ cha mẹ-con cái tập trung vào những cha mẹ có hành vi lạm dụng, ngược đãi con cái hoặc bỏ mặc con cái”; “Trị liệu trẻ em bị bạo lực, ngược đãi”; “Nhóm giải pháp về chính sách, pháp luật”; “Nhóm giải pháp về phòng, ngừa”; “Nhóm giải pháp về can thiệp, hỗ trợ” đều cần phải triển khai thường xuyên thì mới có thể ngăn chặn, phòng ngừa, bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN trước bạo lực gia đình tại TPHCM.

c) Nhận định về mức độ thực hiện các giải pháp để bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN là nạn nhân của bạo lực gia đình tại TPHCM (xem Bảng 5)

Bảng 5. Mức độ xếp hạng các giải pháp thường được sử dụng để bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN là nạn nhân của bạo lực gia đình

STT	Giải pháp	Giáo viên MN		Cán bộ quản lí		Phụ huynh		Tổ chức chính trị xã hội	
		Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng
1	Phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình đối với trẻ MN	3,68	1	3,72	1	3,66	3	3,67	2
2	Cấp cứu và chăm sóc nạn nhân bị bạo lực tại cơ sở khám chữa bệnh	3,60	4	3,66	2	3,76	1	3,68	1
3	Tư vấn cho nạn nhân là trẻ MN bị bạo lực	3,62	3	3,41	4	3,66	3	3,51	3
4	Hỗ trợ khẩn cấp tinh thần cho nạn nhân là trẻ MN bị bạo lực	3,67	2	3,58	3	3,73	2	3,68	1

Bảng 5 cho thấy có điểm tương đồng nhất định trên bình diện về xếp hạng giải pháp thường được sử dụng để bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN là nạn nhân của bạo lực gia đình. Hai khách thể GVMN, CBQL đã xếp giải pháp “Phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình đối với trẻ MN” ở thứ tự số 1. ĐTB của giải pháp này từ 3,68 đến 3,72 nằm ở mức khá và thường xuyên theo thang đo.

Đối với khách thể PH và TCCTXH thì giải pháp “Cấp cứu và chăm sóc nạn nhân bị bạo lực tại cơ sở khám chữa bệnh” được chọn ở vị trí thứ 1 trong 4 giải pháp để bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN là nạn nhân của bạo lực gia đình. ĐTB của PH, của TCCTXH lần lượt là 3,76 và 3,68. Riêng TCCTXH còn chọn giải pháp “Hỗ trợ khẩn cấp tinh thần cho nạn nhân là trẻ MN bị bạo lực” ở thứ tự đầu tiên trong các giải pháp để bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN là nạn nhân của bạo lực gia đình.

Giải pháp “Tư vấn cho nạn nhân là trẻ MN bị bạo lực” được các khách thể nghiên cứu GVMN, PH, TCCTXH xếp thứ tự 3. Riêng khách thể CBQL nhận định giải pháp này xếp ở vị trí thứ 4 trong 4 giải pháp để bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN là nạn nhân của bạo lực gia đình tại TPHCM.

Giải pháp “Phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình đối với trẻ MN” có ĐTB được trải dài từ 3,68 đến 3,72, tức ở mức khá theo thang đo. Giải pháp “Cấp cứu và chăm sóc nạn nhân bị bạo lực tại cơ sở khám chữa bệnh” trong phạm vi từ 3,60 đến 3,76 có ý nghĩa ở mức khá theo thang đo. “Tư vấn cho nạn nhân là trẻ MN bị bạo lực” là giải pháp được nhận định ở mức khá với ĐTB dao động từ 3,41 đến 3,66. Giải pháp “Hỗ trợ khẩn cấp tinh thần cho nạn nhân là trẻ MN bị bạo lực” có ĐTB dao động từ 3,58 đến 3,73, theo thang đo là ở mức khá.

d) Nhận định về tần suất sử dụng các giải pháp để bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN là nạn nhân của bạo lực gia đình tại TPHCM (xem Bảng 6)

Bảng 6. *Mức độ xếp hạng các giải pháp thường được sử dụng để bảo vệ, hỗ trợ trẻ MN là nạn nhân của bạo lực gia đình*

STT	Giải pháp	Cán bộ quản lý						Tổ chức chính trị xã hội	
		Giáo viên MN		lí		Phụ huynh		trị xã hội	
		Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng
1	Buộc chấm dứt ngay hành vi bạo lực	4,15	4	4,39	3	4,23	5	4,15	5
2	Cấm người có hành vi bạo lực tiếp cận với nạn nhân	4,20	1	4,40	2	4,29	2	4,24	2
3	Bố trí cho nạn nhân tạm lánh trong một thời gian cần thiết	4,14	5	4,14	9	3,93	9	4,08	7
4	Buộc người có hành vi bạo lực trẻ MN bồi thường về vật chất lẫn tinh thần cho nạn nhân bị bạo lực	4,12	6	4,34	5	4,28	3	4,20	4
5	Giải pháp phòng ngừa tình hình bạo lực gia đình từ phạm vi gia đình	4,14	5	4,25	7	4,17	6	4,09	6
6	Tổ chức các buổi sinh hoạt, các lớp tập huấn dành riêng cho chị em phụ nữ, một số nơi xây dựng được các câu lạc bộ và các trung tâm tư vấn về hôn nhân và gia đình cho chị em nhằm nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực của người phụ nữ trong gia đình.	4,09	7	4,25	7	4,16	7	4,01	9
7	Xóa bỏ tư tưởng phong kiến trong gia đình, không còn coi “nam trọng, nữ khinh”	4,17	2	4,31	6	4,28	3	4,22	3
8	Hạ nhiệt hành vi bạo lực trong gia đình	4,07	8	4,18	8	4,15	8	4,04	8
9	Giáo dục nhắc nhở các thành viên gia đình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác	4,14	5	4,35	4	4,24	4	4,15	5
10	Kịp thời ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và thông báo cho cơ quan tổ chức, người có thẩm quyền	4,16	3	4,43	1	4,36	1	4,26	1

Bảng 6 cho thấy sự khác biệt khá lớn trong nhận định của các khách thể nghiên cứu. Chỉ có khách thể là GVMN thì chọn giải pháp “Cấm người có hành vi bạo lực tiếp cận với nạn nhân” ở thứ tự số 1 với ĐTB là 4,20 có ý nghĩa thống kê là giải pháp rất cần thiết, rất hiệu quả, rất hợp lí, rất thường xuyên triển khai thì kết quả sẽ đạt mức tốt. Ngược lại, cả 3 khách thể nghiên cứu là CBQL, PH, TCCTXH lại nhận định giải pháp này xếp ở vị trí số 2. Ý nghĩa thống kê của ĐTB được trải dài từ 4,24 đến 4,40 chứng minh giải pháp này rất cần thiết rất hiệu quả, rất hợp lí, rất thường xuyên triển khai thì kết quả sẽ đạt mức tốt.

ĐTB của giải pháp “Kịp thời ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và thông báo cho cơ quan tổ chức, người có thẩm quyền” ở CBQL là 4,43; ở PH là 4,36 và TCCTXH là 4,26 và được xếp ở vị trí số 1. Điều này giải thích ý nghĩa thống kê là giải pháp rất cần thiết, rất hiệu quả, rất hợp lí, rất thường xuyên triển khai thì kết quả sẽ đạt mức tốt.

e) *Lí do phụ huynh không báo về việc trẻ bị bạo lực cho cơ quan chức năng (xem Bảng 7)*

Bảng 7. Ý kiến của phụ huynh về việc không báo cho cơ quan chức năng về việc trẻ bị bạo lực

STT	Lí do phụ huynh không báo cáo	Giáo viên MN		Cán bộ quản lí		Phụ huynh		Tổ chức chính trị xã hội	
		Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng	Điểm TB	Thứ hạng
1	Việc trừng phạt thân thể có thể chấp nhận được như là một phương pháp giáo dục trẻ em	3,15	2	2,89	4	2,86	4	2,89	8
2	Giáo viên sử dụng các biện pháp trừng phạt thân thể để duy trì kỉ luật trong lớp và uốn nắn hành vi của trẻ	2,78	7	2,63	7	2,67	7	2,97	6
3	Việc trừng phạt thân thể có thể được coi như là chuyện nội bộ, do đó nên được giải quyết trong nội bộ lớp giữa cô và trẻ, giữa cô và nhà trường	2,72	8	2,58	8	2,54	9	2,58	9
4	Không báo công an vì sợ bị trả thù hoặc lo ngại không đủ bằng chứng	2,81	5	2,86	5	2,75	5	3,12	4
5	Chịu áp lực từ bạn bè, đồng nghiệp, hàng xóm, sợ bị chê cười, dị nghị	2,80	6	3,01	3	2,64	8	2,99	5
6	Giáo viên và nhà trường thiếu biện pháp hiệu quả để xử lí việc bạo lực làm cho trẻ, phụ huynh không muốn tố cáo vụ việc	2,72	8	2,72	6	2,72	6	2,91	7
7	Cố gắng cho trẻ biết rằng người lớn luôn ở bên và sẽ bảo vệ trẻ trong trường hợp nguy hiểm	2,99	4	3,35	1	3,09	1	3,20	3
8	Đã có cách bảo vệ trẻ an toàn mà không làm tổn hại đến danh dự của trẻ	3,21	1	3,33	2	3,02	2	3,22	2
9	Không muốn trẻ là nạn nhân, là trung tâm của những vụ việc đáng lên án	3,14	3	3,35	1	2,95	3	3,38	1

Bảng 7 cho thấy lí do “Cố gắng cho trẻ biết rằng người lớn luôn ở bên và sẽ bảo vệ trẻ trong trường hợp nguy hiểm” được PH và CBQL nhận định ở thứ tự số 1 trong bảng xếp hạng. Với ĐTB = 3,35 và ĐTB = 3,09 cho thấy lí do này chỉ có ý nghĩa thống kê ở mức trung bình, bình thường, và PH, CBQL vẫn phân vân khi chọn lựa. Lí do “Đã có cách bảo vệ trẻ an toàn mà không làm tổn hại đến danh dự của trẻ” có ĐTB = 3,21 và được GVMN nhận định ở thứ tự số 1 trong bảng xếp hạng. Ý nghĩa thống kê là lí do này được đa số mẫu khảo sát là GVMN đồng ý nhưng lí do này chỉ được nhận định là lí do bình thường, ở mức độ trung bình. Tuy nhiên, hai khách thể nghiên cứu là CBQL, TCCTXH lại nhận định lí do “Không muốn trẻ là nạn nhân, là trung tâm của những vụ việc đáng lên án” là lí do chính đáng nhất, hợp lí nhất nên đã xếp hạng cho lí do này ở vị trí số 1.

f) Nhận định về hiệu quả sử dụng các giải pháp nhằm xử lí người có hành vi bạo lực trẻ MN trong gia đình tại TPHCM của GVMN, CBQL, PH và TCCTXH (xem Bảng 8)

Bảng 8. Hiệu quả sử dụng các giải pháp nhằm xử lí người có hành vi bạo lực trẻ MN trong gia đình tại TPHCM

STT	Giải pháp	Giáo viên MN		Cán bộ quản lí		Phụ huynh		Tổ chức chính trị xã hội	
		Điểm trung bình	Thứ hạng	Điểm trung bình	Thứ hạng	Điểm trung bình	Thứ hạng	Điểm trung bình	Thứ hạng
1	Xử lí kỉ luật	3,99	3	4,21	3	3,96	3	3,61	3
2	Xử lí hành chính	3,90	4	4,18	4	3,90	4	3,38	4
3	Xử lí theo pháp luật dân sự	4,01	2	4,38	2	4,15	2	3,82	2
4	Xử lí theo pháp luật hình sự	4,28	1	4,47	1	4,33	1	4,32	1
ĐTB chung		4,05		4,31		4,08		3,78	

Bảng 8 cho thấy sự nhất quán trong nhận định về tính hiệu quả khi sử dụng các giải pháp nhằm xử lí người có hành vi bạo lực trẻ MN trong gia đình từ 4 khách thể nghiên cứu là GVMN, CBQL, PH và TCCTXH. Trong 4 giải pháp đề xuất thì giải pháp “Xử lí theo pháp luật hình sự” được cả 4 khách thể nghiên cứu đồng nhất trong xếp đặt ở vị trí số 1 về tính hiệu quả khi sử dụng nhằm xử lí người có hành vi bạo lực trẻ MN trong gia đình tại TPHCM.

ĐTB của giải pháp này lần lượt là 4,28; 4,32; 4,33; 4,47. Khi so sánh với thang đo đã xác lập thì ý nghĩa thống kê của giải pháp “Xử lí theo pháp luật hình sự” là giải pháp rất cần thiết, rất hiệu quả, rất tốt. Các giải pháp khác như: “Xử lí kỉ luật”, “Xử lí hành chính” “Xử lí theo pháp luật dân sự” được xếp ở thứ tự từ 2 đến 4 trong bảng xếp hạng theo quan điểm của từng nhóm khách thể nghiên cứu. ĐTB chung được trải dài từ 3,78 đến 4,31 cho thấy ý nghĩa thống kê của các giải pháp nhằm xử lí người có hành vi bạo lực trẻ MN trong gia đình tại TPHCM ở mức từ khá đến tốt, hiệu quả đến rất hiệu quả, cần thiết đến rất cần thiết.

3. Kết luận

Nhìn chung, đa số các giải pháp phòng chống bạo lực ở gia đình tại TPHCM được 4 khách thể nghiên cứu là: GVMN, CBQL, PH và TCCTXH nhận định ở mức khá. Đặc biệt sự phân hóa trong nhận định các lí do mà phụ huynh không báo cáo cho cơ quan chức năng về việc trẻ bị bạo lực ở gia đình. PH thì cho rằng “Cố gắng cho trẻ biết rằng người lớn luôn ở bên và sẽ bảo vệ trẻ trong trường hợp nguy hiểm” là lí do hợp lí nhất và xếp lí do này ở vị trí số 1. Các khách thể nghiên cứu khác như: GVMN, CBQL, TCCTXH đồng ý với lí do “Đã có cách bảo vệ trẻ an toàn mà không làm tổn hại đến danh dự của trẻ” và “Không muốn trẻ là nạn nhân, là trung tâm của những vụ việc đáng lên án” là các lí do hợp lí khi đưa ra nhận định.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoang, B. T. (2007 a). Bao lực gia đình – Nhận thức và thực trạng [Domestic violence – Perception and reality]. *Family and Children Journal*, 3.
- Hoang, B. T. (2007 b). Bao lực gia đình đối với trẻ em và một số biện pháp phòng ngừa. [Domestic violence against children and some preventive strategies]. *Journal of Psychology*, 3.
- Ho Chi Minh City People's Committee (2019). *Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2019*. [Report on the implementation of policies and laws on prevention of child abuse in Ho Chi Minh City in the period 2015-2019].
- Le, T. N. D. (2009). *Bạo hành trẻ em trong gia đình và nhà trường* [Child abuse at home and school]. Ho Chi Minh City Institute of Research Development.
- Ly, T. M. H. (2009). Bao lực gia đình và hậu quả tâm lí của nạn nhân của bạo lực gia đình [Domestic violence and psychological consequences of victims of domestic violence]. *Journal of Psychology*, 8.
- Ministry of Education and Training (2020). *Quyết định số: 987/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 4 năm 2020 ban hành kế hoạch hành động phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2020-2025* [Decision No: 987/QĐ-BGDĐT signed on April 17, 2020 Promulgating the Action Plan to prevent, support and intervene in violence and sexual abuse of children in educational institutions in the period of 2020-2025].
- Nguyen, M. A. (2009). *Bạo hành trẻ em – các biện pháp phòng chống vì sao chưa hiệu quả*. [Why child abuse – prevention measures are not effective]. Ho Chi Minh City Institute Research Development.
- Vietnam National Assembly (2016). *Luat Trẻ em* [Children's Law]. Hanoi.

**THE REALITY OF DEVELOPING AND CONDUCTING IMPLEMENTING SOLUTIONS
TO PREVENT FAMILY VIOLENCE AGAINST CHILDREN IN HO CHI MINH CITY**

Nguyen Thi Kim Anh^{1*}, Nguyen Thi Thanh Binh², Hoang Thi Hong Thuong³

¹School of Education and Pydagogy – HongBang International University, Vietnam

²Institute of Research and Development of Education and Economic EXIM, Vietnam

³Department of Education and Training of Binh Phuoc province, Vietnam

*Corresponding author: Nguyen Thi Kim Anh – Email: anhnnguyenire.edu@gmail.com

Received: June 01, 2021; Revised: August 27, 2021; Accepted: August 28, 2021

ABSTRACT

This article presents the results of a survey of 394 preschool teachers, 179 managers, 187 parents, and 100 staff of socio-political organizations on solutions to prevent violence against preschool children in Ho Chi Minh City (HCMC). Solutions surveyed include disseminating to communities, families and children about dangers and consequences of child abuse; the responsibility to detect and notify cases of children being abused or at risk of violence, exploitation or abandonment; raising awareness and equipped with knowledge about child protection; education, knowledge counseling, self-protection skills for preschool children and warning about the risk of child abuse; advising on knowledge, skills and interventions to eliminate or minimize the risk of child abuse for fathers, mothers, teachers, child caregivers, people working in agencies providing child and child protection services in order to create a safe living environment for at-risk children. These were evaluated as effective solutions to prevent family violence against preschool children.

Keywords: Ho Chi Minh City; prevention of violence against preschool children; solutions to prevent violence against preschool children at home